

Số: 83 /TB-TTBVTV-KT

Đồng Nai, ngày 24 tháng 10 năm 2018

THÔNG BÁO

Tình hình sinh vật gây hại 7 ngày

(Từ ngày 18/10 – 24/10/2018)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG

1. Thời tiết trong tuần

- Nhiệt độ: Trung bình: 26,5 – 27,3°C; Cao nhất: 34,4°C; Thấp nhất: 22,2°C.
- Ẩm độ: Trung bình: 75 – 83%; Thấp nhất: 48%.
- Tổng số giờ nắng: 54 – 71 giờ. Lượng mưa: 40 - 128 mm.

Thời tiết: Mây thay đổi đến nhiều mây, ngày nắng gián đoạn, chiều tối có mưa nhiều nơi, rải rác có mưa vừa, có nơi mưa to. Đêm ngày 22/10/2018 trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ xảy ra giông lốc làm 40 ha bưởi bị đổ gãy, rụng trái tỉ lệ 5 - 10%

Các loại cây trồng khác sinh trưởng và phát triển bình thường.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

Cây lúa: Xuống giống 21.808 ha/25.233 ha. Lúa đang ở các giai đoạn: đẻ nhánh (9.528 ha), đòng (8.122 ha), trổ (4.158 ha).

Các giống chủ yếu là: OM 7347, OM 4900, VD 20, MTL 110, Đài thom 8, ...

Cây trồng khác

Cây trồng	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích (ha)
Bắp	Loa kèn, trổ cờ	15.385/17.709
Rau các loại	Các giai đoạn	4.705
Cây có múi	Các giai đoạn	6.936
Chôm chôm	Các giai đoạn	10.415
Xoài	Ra lộc, bông	11.833
Chuối	Các giai đoạn	5.762
Sầu riêng	Ra lộc	3.797
Tiêu	Nuôi trái	17.087
Điều	Ra lộc	38.888
Cao su (tiểu điền)	Khai thác	14.568
Cà phê	Nuôi trái	17.172
Khoai mì	Phát triển củ	10.826

II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI (SVH) 7 NGÀY QUA

1. Trên cây lúa: Các SVH chủ yếu là ốc bươu vàng (OBV) DTN 522 ha giảm 115 ha, bệnh đạo ôn lá DTN 723 ha tăng 376 ha do điều kiện thời tiết âm u, giờ nắng trong ngày ít, có mưa rải rác tạo điều kiện cho bệnh phát triển.

2. Cây trồng khác

- Cây bắp, rau màu: DTN các SVH ở mức nhẹ.
- Cây ăn quả:
 - + Cây có múi: Sâu vẽ bùa DTN 239 ha giảm 75 ha, nhện nhỏ 158 ha tăng 52 ha.
 - + Sầu riêng: Bệnh xì mù DTN 431 ha tăng 13 ha, bệnh nấm hồng DTN 220 ha tăng 11 ha, bệnh cháy lá chết đọt DTN 321 giảm 29 ha.
 - + Xoài: Bệnh thán thư DTN 340 ha tăng 32 ha, sâu đục cành DTN 144 ha.
- Cây công nghiệp:
 - + Cây hồ tiêu: Bệnh thán thư DTN 1013 ha giảm 19 ha, bệnh chết chậm DTN 951 ha tăng 1 ha.
 - + Cây điều: Sâu đục thân, cành DTN 461 ha tăng 41 ha, bệnh thán thư DTN 311 ha giảm 3 ha, bệnh nấm hồng DTN 118 ha tăng 1 ha.
 - + Cây mì:
 - Bọ phấn DTN 641 ha tăng 229 ha; bệnh khảm lá virus DTN 319,6 ha tăng 0,7 ha; bệnh vi khuẩn DTN 346 ha giảm 13 ha; đốm nâu 200 ha không thay đổi.

III. DỰ KIẾN TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TRONG THỜI GIAN TỚI

Với điều kiện thời tiết và giai đoạn sinh trưởng của các loại cây trồng trong kỳ, cần chú ý các đối tượng SVH sau:

- Cây lúa: Ốc bươu vàng, Rầy nâu, VL – LXL, bệnh bạc lá (cháy bìa), đạo ôn, chuột.
- Cây rau: Sâu tơ, bệnh đốm vàng, bệnh sương mai, bệnh thối nhũn.
- Cây ăn quả: Bệnh xì mù, bệnh nấm hồng (sầu riêng); bệnh cháy gôm, sâu vẽ bùa (cây có múi); bệnh thán thư, sâu đục thân, cành (xoài).
- Cây công nghiệp: Bệnh thán thư, tuyến trùng, bệnh chết nhanh, chết chậm (hồ tiêu); bệnh nấm hồng, bệnh thán thư (điều); bệnh xì mù, nấm hồng (cao su); bọ phấn, bệnh khảm lá, thán thư, đốm nâu (mì).

IV. ĐỀ NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Khuyến cáo nông dân áp dụng quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc phù hợp từng giai đoạn phát triển của cây, thường xuyên thăm đồng phát hiện kịp thời các SVH, xử lý kịp thời.

- Cây lúa: Chú ý theo dõi diễn biến các đối tượng sâu bệnh trên lúa để có biện pháp phòng chống kịp thời. Tăng cường theo dõi diễn biến rầy nâu và kiểm tra tỉ lệ rầy mang mầm bệnh trên các trà lúa nhằm hạn chế rầy nâu di trú truyền virus gây bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá.

- Cây mì: Tăng cường điều tra, phát hiện diện tích nhiễm bệnh khảm lá. Tiến hành phun thuốc trừ bọ phấn trắng trên cây mì và khoanh vùng diện tích bị nhiễm tiêu hủy tránh lây lan sang diện rộng. Thực hiện tốt công văn số 3646/SNN-TTBVTV, ngày 01/10/2018 về việc triển khai chỉ đạo của UBND tỉnh về thực hiện Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khảm lá virus hại sắn.

- Tuyên truyền, tập huấn cho nông dân cách nhận biết và các biện pháp phòng chống bệnh theo quy trình của Cục BVTV nhằm hạn chế gia tăng diện tích, tỷ lệ sâu bệnh hại trên cây trồng,

Các trạm Trồng trọt và BVTV huyện tiếp tục thực hiện thông báo về dự tính, dự báo sâu bệnh hại trên các loại cây trồng; tuyên truyền, hướng dẫn các biện pháp phòng chống sâu bệnh tổng hợp cho nông dân, báo cáo về Chi cục để xem xét chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Trung tâm BVTV phía Nam (Email);
- Sở NN và PTNT (Báo cáo);
- Chi cục trưởng và các Phó Chi cục trưởng (Email);
- Các trạm Trồng trọt và BVTV (Email);
- Phòng quản trị mạng (đăng trang web);
- Lưu: VT, KT.



Trần Thị Tú Oanh



DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ, TỶ LỆ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ SINH VẬT GÂY HẠI CHÍNH
(Từ ngày 18/10 đến ngày 24/10/2018)

Cây trồng	Tên SVGH	GDST	Mật độ/Tỷ lệ		Diện tích nhiễm (ha)				Mất trắng	Số kỳ trước (+/-)	Số CKNT (+/-)	DT P. trừ	Phân bố
			Phổ biến	Cao	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng					
Cây có múi	Sâu vẽ bùa	Ra lộc	3 - 10		239	0	0	239	0	-75.0	53.0	63	Định Quán, Xuân Lộc, Tân Phú, TX Long Khánh, Trảng Bom
	Nhện nhỏ	Ra lộc	5 - 10		158	0	0	158	0	52.0	131.0	210	Định Quán, Vĩnh Cửu, Tân Phú
Chôm chôm	Bệnh cháy mép lá	Sau thu hoạch	10 - 15		96	2	0	98	0	4.0	31.0	0	Cẩm Mỹ, Trảng Bom
Chuối	Bệnh đốm lá VK	Các giai đoạn	8 - 10		86	2	0	88	0	4.0	-113.0	13	Trảng Bom, Thống Nhất
	Rệp muội	Các giai đoạn	9		12	0	0	12	0	-2.0	12.0	11	Thống Nhất
Mít	Bệnh thối quả	nuôi trái	5		20	0	0	20	0	0.0	20.0	0	TX Long Khánh
	Ruồi đục quả	nuôi trái	2 - 3		20	0	0	20	0	0.0	20.0	0	TX Long Khánh
Nhãn	Bệnh chổi rồng nhãn	Chăm sóc	7		40	0	0	40	0	0.0	5.0	10	Xuân Lộc
Sầu riêng	Bệnh cháy gân	Các giai đoạn	5 - 10		431	0	0	431	0	13.0	118.0	136	Cẩm Mỹ, Tân Phú, TX Long Khánh, Thống Nhất
	Bệnh cháy lá, chết đọt	Các giai đoạn	7 - 10		321	0	0	321	0	-29.0	118.0	104	Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, TX Long Khánh, Long Thành
	Bệnh nấm hồng	Các giai đoạn	10 - 15		220	0	0	220	0	11.0	29.0	77	Cẩm Mỹ, Tân Phú, TX Long Khánh
	Rầy bông	Các giai đoạn	10		125	0	0	125	0	4.0	-21.0	126	Tân Phú, TX Long Khánh, Long Thành
Thanh Long	Bệnh đốm nâu	Các giai đoạn	2 - 10	15	84	4	4	92	0	-2.0	-63.0	30	Trảng Bom, Xuân Lộc
	Ốc sên	Các giai đoạn	2 - 3		90	0	0	90	0	0.0	90.0	30	Xuân Lộc
Xoài	Bệnh thán thư	Ra bông	4 - 7		340	0	0	340	0	32.0	-113.0	150	Định Quán, Xuân Lộc, Vĩnh Cửu
	Sâu đục cành	Các giai đoạn	5		144	0	0	144	0	0.0	130.0	0	Định Quán

	Sâu đục thân	Ra bông	10		100	0	0	100	0	0.0	100.0	20	Xuân Lộc
Ca cao	Bệnh muội đen	Nuôi trái	9		15	0	0	15	0	2.0	15.0	14	Thống Nhất
Cà phê	Bệnh gỉ sắt	Các giai đoạn	9 - 20		697	6	0	703	0	11.0	-82.0	36	Cầm Mỹ, Định Quán, Trảng Bom, Tân Phú, Thống Nhất
	Bệnh đốm mắt cua	Các giai đoạn	15		444	2	0	446	0	4.0	182.0	0	Cầm Mỹ, Trảng Bom
	Bệnh khô cành	Các giai đoạn	5 - 13		399	3	0	402	0	-2.0	63.0	0	Cầm Mỹ, Xuân Lộc, Định Quán, Trảng Bom, TX Long Khánh
	Rệp sáp	Các giai đoạn	13 - 15		252	0	0	252	0	1.0	-33.0	35	Xuân Lộc, Cầm Mỹ, Tân Phú, Trảng Bom, Định Quán
	Bệnh nám hồng	Các giai đoạn	15		141	0	0	141	0	-10.0	45.0	29	Cầm Mỹ, Định Quán, Tân Phú
	Bệnh phân trắng	Các giai đoạn	13		465	0	0	465	0	3.0	208.0	0	Cầm Mỹ, Trảng Bom
Cao su	Bệnh nám hồng	Các giai đoạn	5 - 20		165	1	0	166	0	-125.0	-253.0	0	Cầm Mỹ, TX Long Khánh, Trảng Bom
Điều	Sâu đục thân, cành	Các giai đoạn	5 - 8		458	3	0	461	0	41.0	101.0	15	Cầm Mỹ, Định Quán, Trảng Bom, Thống Nhất
	Bệnh thán thư	Các giai đoạn	5 - 10		308	3	0	311	0	-3.0	-26.0	0	Xuân Lộc, Trảng Bom
	Bệnh nám hồng	Các giai đoạn	16		118	0	0	118	0	1.0	-179.0	0	Cầm Mỹ
Hồ tiêu	Bệnh thán thư	Các giai đoạn	4 - 15		1013	0	0	1013	0	-19.0	191.0	157	Cầm Mỹ, Xuân Lộc, Trảng Bom, Long Thành, Tân Phú, Thống Nhất, Định Quán
	Bệnh chết chậm	Các giai đoạn	3 - 8	15	849	2	100	951	0	1.0	221.0	403	Cầm Mỹ, Xuân Lộc, Trảng Bom, Tân Phú, TX Long Khánh, Định Quán, Thống Nhất
	Rệp sáp	Các giai đoạn	5 - 13	15	905	2	9	916	0	-17.0	436.0	319	Xuân Lộc, Cầm Mỹ, Trảng Bom, Định Quán, TX Long Khánh, Tân Phú
	Bệnh tuyến trùng	Các giai đoạn	5 - 8	20	290	31	4	325	0	35.0	-176.0	108	Trảng Bom, TX Long Khánh, Thống Nhất
Mía	Bệnh rỉ sắt	Các giai đoạn	15		31	2	0	33	0	4.0	-4.0	0	Trảng Bom
Sắn (Mi)	Bọ phấn	Các giai đoạn	5		641	0	0	641	0	229.0	641.0	0	Long Thành, Xuân Lộc

	Bệnh vi khuẩn	Nuôi củ	5 - 10		346	0	0	346	0	-13.0	-65.0	100	Xuân Lộc, Long Thành, Trảng Bom
	Khảm lá virus	Các giai đoạn	3 - 50	20 - 100	43,5	100,8	175,3	319,6	0	0.7	319.6	0	Vĩnh Cửu, Định Quán, Xuân Lộc, Trảng Bom, Long Thành
	Đốm nâu	Nuôi củ	10		200	0	0	200	0	0.0	50.0	0	Long Thành
	Bệnh thán thư	Phát triển củ	10		105	0	0	105	0	-5.0	105.0	0	Nhon Trạch
	Nhện đỏ	132-140 ngày	5 - 25		72	0	0	72	0	54.0	72.0	0	Xuân Lộc, Nhơn Trạch
Ngô (Bắp)	Đốm lá nhỏ	Loa kèn	7 - 15		58	0	0	58	0	32.0	13.0	14	Long Thành, Thống Nhất, Cẩm Mỹ
	Rệp ngô	Các giai đoạn	15		29	2	0	31	0	11.0	-9.0	0	Cẩm Mỹ, Trảng Bom
	Sâu xám	Các giai đoạn	5		23	0	0	23	0	-5.0	-6.0	0	Cẩm Mỹ
Lúa	Bệnh đạo ôn lá	Đẻ nhánh-đồng	5 - 15		717	6	0	723	0	376.0	19.0	244	Định Quán, Tân Phú, Long Thành, Nhơn Trạch, Trảng Bom, TX Long Khánh, Xuân Lộc, Thống Nhất, Cẩm Mỹ
	Ốc bươu vàng	Mạ-đẻ nhánh-đồng	1 - 5	15 - 20	488	4	30	522	0	-115.0	-8.0	150	Xuân Lộc, Trảng Bom, TX Long Khánh, Định Quán
	Bệnh bạc lá (cháy bìa)	Đẻ nhánh-đồng	5 - 10		207	0	0	207	0	49.0	-365.0	107	Xuân Lộc, Tân Phú, Long Thành, TX Long Khánh
	Chuột	Đẻ nhánh-đồng	4 - 5		143	0	0	143	0	51.0	41.0	86	Định Quán, Nhơn Trạch, Long Thành, Thống Nhất, Tân Phú, Trảng Bom
	Bọ trĩ (bù lạch)	Mạ-đẻ nhánh	4 - 10		83	0	0	83	0	2.0	63.0	3	Định Quán, Cẩm Mỹ, Vĩnh Cửu
	Bệnh VL,LXL	Đẻ nhánh-đồng	3	15	35	0	5	40	0	40.0	40.0	40	Long Thành
	Sâu đục thân (bông bạc)	Đẻ nhánh-đồng	4		35	0	0	35	0	35.0	30.0	50	Vĩnh Cửu
	Rầy nâu	Đẻ nhánh-đồng	9 - 10		26	0	0	26	0	-3.0	-1.0	9	Trảng Bom, Thống Nhất
Bầu bí	Bọ trĩ	Các giai đoạn	18 - 20		15	0	0	15	0	2.0	5.0	15	Thống Nhất, Nhơn Trạch
	Ruồi đục quả	Các giai đoạn	9 - 10	15	14	1	0	15	0	10.0	9.0	14	Thống Nhất, Nhơn Trạch
Dưa chuột (dưa leo)	Bệnh giả sưng mai	Các giai đoạn	5 - 10	20	12,5	0,5	0	13	0	-1.0	13.0	2	Trảng Bom, Nhơn Trạch
	Ruồi đục lá	Các giai đoạn	15		6	0	0	6	0	1.0	1.0	6	Long Thành
	Ruồi đục quả	Các giai đoạn	5 - 10	6 - 15	4	0	0	4	0	-2.0	-4.0	2	Nhon Trạch, Trảng Bom